

Số: 2042/2021/QĐST-HNGĐ

*Thành phố Thủ Đức, ngày 15 tháng 11 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1281/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Phạm Trần Thu H, sinh năm: 1990.

Hộ khẩu thường trú: số 71/30, đường T, tổ R, khu phố F, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Bùi Xuân H, sinh năm: 1987.

Hộ khẩu thường trú: số 71/30, đường T, tổ R, khu phố F, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh..

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Phạm Trần Thu H và ông Bùi Xuân H tự nguyện chung sống với nhau từ 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/2014 ngày 31 tháng 3 năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Trần Thu H và ông Bùi Xuân H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống tẻ nhạt không có hạnh phúc. Vợ chồng không

còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay, trong thời gian không chung sống cả hai bên gia đình cũng hòa giải cho hai vợ chồng nhưng không có kết quả, hiện nay cả hai đều không còn tình cảm với nhau. Do đó, việc bà Phạm Trần Thu H và ông Bùi Xuân H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Có 01 người con chung tên Bùi Hữu T, sinh ngày 07/10/2015. Bà và ông H thỏa thuận: Bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của bà H, ông H về nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà và ông H tự khai không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà và ông H tự khai không có tài sản chung.

[4] Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mỗi người nộp phải 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí bà H, ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0024458 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, Tòa án lập Biên bản về việc hòa giải đoàn tụ không thành;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Trần Thu H và ông Bùi Xuân H thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyền số 01/2014 ngày 31 tháng 3 năm 2014 do Ủy ban nhân dân Thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên cấp cho bà Phạm Trần Thu H và ông Bùi Xuân H không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Bà Phạm Trần Thu H trực tiếp nuôi người con chung tên Bùi Hữu T, sinh ngày 07/10/2015; ông Bùi Xuân H không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mỗi người nộp phải 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí bà H, ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0024458 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H, ông H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Trần Xuân Dũng**